TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Cao Anh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải và ông Y Dhiệu Hmok.

Thư ký phiên toà: Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2023, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐST- HNGĐ ngày 30/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 10 Nguyễn Duy T, tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 10 Nguyễn Duy T, tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ C trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 04 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau, đôi khi ông T còn hay đánh đập tôi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 02/2023 chúng tôi ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt

được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 02/02/2017 và cháu Trần G, sinh ngày 18/02/2019. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao 02 con chung cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:* Tôi và bà Lê Thị Mỹ C có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 04 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Hiện nay xét thấy tình cảm đã không còn nên bà C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 02/02/2017 và cháu Trần G, sinh ngày 18/02/2019. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không yêu cầu bà C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn T chỉ tới Tòa án để viết bản tự khai, sau đó đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Mỹ C được ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 02/02/2017 và cháu Trần G, sinh ngày 18/02/2019 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về khởi kiện và thụ lý vụ án***: Ngày 27/02/2023 bà Lê Thị Mỹ C nộp đơn khởi kiện, ngày 07/03/2023 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của bà C là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết***: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc

thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về trình tự thủ tục tố tụng*****:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Trần Văn T không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 20/6/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 14/7/2023 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Lê Thị Mỹ C và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 04 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến có xảy ra sô sát, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Qua xác minh tại tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B thì chính quyền địa phương xác định ông T, bà C có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không biết nhưng từ tháng 02/2023 vợ chồng đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Mỹ C, ông Trần Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị Mỹ C ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] ***Về con chung***: Ông Trần Văn T và bà Lê Thị Mỹ C có 02 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 02/02/2017 và cháu Trần G, sinh ngày 18/02/2019. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ở tổ dân phố A, phường Đ, thị xã thì hiện nay 02 con chung đều ở với ông Trần Văn T, ông T cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi và được bà C đồng ý do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông Trần Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Ông T, bà C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]*Về án phí*: Bà Lê Thị Mỹ C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 192, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Mỹ C được quyền ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Quốc V, sinh ngày 02/02/2017 và cháu Trần G, sinh ngày 18/02/2019 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị Mỹ C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông T, bà C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0018450 ngày 06/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- UBND P. Đ;
- Chi cục THA dân sự Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn